

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày: 15 – 5 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Chính, ông Y Mung Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/HSST-QĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân T1; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990; tại: tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn L (đã chết) và bà Võ Thị L, hiện trú tại: Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị cáo có vợ là Châu Thị Ngọc H và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020, đến ngày 20/01/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Tấn H; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam; Sinh năm: 1997; tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Bùi Thanh B và bà Nguyễn Thị D, hiện đều trú tại: Tổ dân phố C, phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020, đến ngày 20/01/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Mai Đình T2; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam; Sinh năm: 1995; tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường A3, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 9/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Mai Văn H và bà Phan Thị T, hiện đều trú tại: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Bị cáo có vợ là Phan Tiêu A và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020, đến ngày 20/01/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trần Đình T3; Tên gọi khác: Không;

Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989; tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường A2, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Đình T và bà Huỳnh Thị Kim Q, hiện đều trú tại: Tổ dân phố N, phường A2, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020, đến ngày 20/01/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Phạm Thị Bích P – Sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 17/01/2020, Bùi Tấn H, Mai Đình T2, Trần Đình T3 và Nguyễn Xuân T1 và đi đến quán phở Ph tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (do chị Phạm Thị Bích P làm chủ quán) để ăn trưa. Sau khi ăn xong, T1 rủ H, T2 và T3 tham gia đánh bạc dưới hình thức “*Bầu Cua*” trên điện thoại được thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Bùi Tấn H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu VIVO (của Trần Đình T3) có cài đặt phần mềm xóc bầu cua để làm cái, những người còn lại Trần Đình T3, Nguyễn Xuân T1, Mai Đình T2 đặt cược từ 10.000đồng đến 50.000đồng cho một lần đặt cược. Tất cả đánh bạc đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K kiểm tra bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.700.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu trắng, IMEI 1: 865569034712677, IMEI 2: 865569034712669, bên trong có 02 sim điện thoại di động số thuê bao 0944 952 6xx và 0966 850 9xx.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Bị cáo Bùi Tấn H, sử dụng số tiền 3.000.000đồng, bị cáo Trần Đình T3 sử dụng 2.300.000đồng, bị cáo Nguyễn Xuân T1 sử dụng số tiền 2.000.000đồng, bị cáo Mai Đình T2 sử dụng số tiền 400.000đồng.

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 17/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thu giữ số tiền trên chiếu bạc 7.700.000 đồng gồm các loại tiền polyme có mệnh giá như sau: Tiền polyme 500.000 đồng 12 tờ, tiền polyme 200.000 đồng 02 tờ, tiền polyme 100.000 đồng 08 tờ, tiền polyme 50.000 đồng 10 tờ, 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu trắng, IMEI 1: 865569034712677, IMEI 2: 865569034712669, bên trong có 02 sim điện thoại di động số thuê bao 09449526xx và 0966850 9xx.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 08/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Bùi Tấn H, Trần Đình T3, Nguyễn Xuân T1 và Mai Đình T2 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Tấn H, Mai Đình T2, Trần Đình T3 và Nguyễn Xuân T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện K đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ

nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Tấn H, Trần Đình T3, Nguyễn Xuân T1 và Mai Đình T2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Điều 36; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T1** mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 54, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Bùi Tấn H** mức án từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Điều 36 các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Đình T3** mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Mai Đình T2** mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

*** Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.700.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu trắng, IMEI 1: 865569034712677, IMEI 2: 865569034712669, đây là số tiền và công cụ các bị cáo Bùi Tấn H, Trần Đình T3, Nguyễn Xuân T1 và Mai Đình T2 sử dụng vào việc phạm tội.

- Đề nghị tuyên trả cho bị cáo Trần Đình T3 02 sim điện thoại di động số thuê bao 09449526xx và 09668509xx, là tài sản riêng của bị cáo Trần Đình T3, không liên quan đến vụ án.

Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án

không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo đã thực hiện: Khoảng 11 giờ, ngày 17/01/2020, các bị cáo Bùi Tấn H, Trần Đình T3, Nguyễn Xuân T1 và Mai Đình T2 đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền tại quán phở Ph, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức “*Bầu Cua*”, được thua bằng tiền và sử dụng điện di động nhãn hiệu VIVO của bị cáo Trần Đình T3 có cài đặt phần mềm xóc bầu cua để làm cái, mỗi lần đặt cược từ 10.000đồng đến 50.000đồng. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K kiểm tra bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.700.000đồng và 01 điện thoại di động hiệu VIVO, màu trắng, bên trong có 02 sim điện thoại di động. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận, hành vi của các bị cáo Bùi Tấn H, Trần Đình T3, Nguyễn Xuân T1 và Mai Đình T2 đã phạm vào tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Bùi Tấn H, Mai Đình T2, Trần Đình T3 và Nguyễn Xuân T1 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Nhận thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức, hoàn toàn hiểu rõ đánh bạc là vi phạm pháp luật và bị pháp luật trừng trị, Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và lượng hình cho phù hợp đối với từng bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Trong vụ án, các bị cáo Bùi Tấn H, Mai Đình T2, Trần Đình T3 và Nguyễn Xuân T1 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, do đó cần phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo để xem xét quyết định hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo cho phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T1 là người khởi xướng rủ rê và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền 2.000.000đồng, các bị cáo Bùi Tấn H, Trần Đình T3 và Mai Đình T2 là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền sử dụng đánh bạc cụ thể: Bị cáo H sử dụng 3.000.000đồng, bị cáo Trần Đình T3 sử dụng 2.300.000đồng và bị cáo Mai Đình T2 sử dụng 400.000đồng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân T1 là cao hơn các bị cáo còn lại, mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Tấn H, Trần Đình T3 là tương đương nhau và cao hơn mức hình phạt đối với bị cáo Mai Đình T2.

Các bị cáo Nguyễn Xuân T1, Bùi Tấn H và Trần Đình T3 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng có tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt. Về thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ là 03 (Ba) ngày từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Mai Đình T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tham gia đánh bạc chỉ với số tiền nhỏ là 400.000đồng. Do đó, đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị mức hình phạt cho bị cáo Mai Đình T2 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Xét mức hình phạt đề nghị của Viện kiểm sát là nặng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo Mai Đình T2.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo Bùi Tấn H, Nguyễn Xuân T1 và Trần Đình T3, cần tuyên phạt bổ sung các bị cáo một số tiền nhất định để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Xuân T1 và Trần Đình T3 có điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung. Đối với bị cáo Mai Đình T2 không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do hình phạt tiền là hình phạt chính.

[6] Đối với chị Phạm Thị Bích P là chủ quán phở Ph, nơi bị cáo Bùi Tấn H, Mai Đình T2, Trần Đình T3 và Nguyễn Xuân T1 thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 17/01/2020, nhưng chị P không tham gia đánh bạc, tổ chức đánh bạc và cũng không đồng ý cho bị cáo Bùi Tấn H, Mai Đình T2, Trần Đình T3 và Nguyễn Xuân T1 thực hiện hành vi đánh bạc. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không đề cập xử lý đối với chị Phạm Thị Bích P là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với số tiền 7.700.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu hiệu VIVO, màu trắng, IMEI 1: 865569034712677, IMEI 2: 865569034712669, của bị cáo Trần Đình T3, là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7.3] Đối với 02 sim điện thoại số thuê bao 0944952624 và 0966850918 là tài sản của bị cáo Trần Đình T3, không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần tuyên trả lại cho bị cáo Trần Đình T3 là chủ sở hữu nhận sử dụng là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Xuân T1, Bùi Tấn H, Trần Đình T3, Mai Đình T2** phạm tội “*Đánh bạc*”

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T1** 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo Nguyễn Xuân T1 là ngày Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Xuân T1 cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục.

- Căn cứ vào khoản 1 khoản 5 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Tấn H** 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo Bùi Tấn H là ngày Ủy ban nhân dân phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Tấn H cho Ủy ban nhân dân phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Bùi Tấn H số tiền 12.000.000đồng (*Mười hai triệu đồng*).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Điều 36, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đình T3** 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/01/2020 đến ngày 20/01/2020, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo Trần Đình T3 là ngày Ủy ban nhân dân phường A2, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Trần Đình T3 cho Ủy ban nhân dân phường A2, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường A2, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, Điều 35, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Đình T2** số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng)

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 7.700.000đồng (*Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*) thu giữ tại chiếu bạc là tiền sử dụng vào việc phạm tội.

(*Số tiền tịch thu sung công quỹ Nhà nước hiện đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk thu giữ theo Biên lai thu tiền số 10888 ngày 16/4/2020*)

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu loại điện thoại Smartphone nhãn hiệu VIVO, màu trắng, có số IMEI 1 là 865569034712677, số IMEI 2: 865569034712669 của bị cáo Trần Đình T3, là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình T3 02 (Hai) sim điện thoại di động số thuê bao 09449526xx và 09668509xx.

(*Vật chứng có số lượng và đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/4/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K*)

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Xuân T1, Bùi Tấn H, Trần Đình T3, Mai Đình T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo, NCQLNVLQ;
- VKSND huyện K;
- CQCSĐT Công an huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Đ, TX. B;
- UBND phường A1, TX. B;
- UBND phường A2, TX. B;
- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TANDTC;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Tuấn